UBND TỈNH BẠC LIÊU

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ NĂM HỌC 2020-2021

DỰ THẢO

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-CĐYT ngày ..... tháng ..... năm 20..... của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu)

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
				Nam	Nữ						
A	**MIỄN HỌC PHÍ:**										
Khóa 2018 -2021											
1	1810040003	Đào Thị Mai	Chi		04/09/2000	Kinh	CĐ Dược 8A	**Con thương binh 3/4**	Số 159B/5, đường Lê Duẫn, K5, P1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Miễn 100%	
Khóa 2019 -2022											
2	1910010036	Trần Huyền	Trân	27/01/2001		Hoa	CĐ Điều dưỡng 13A	**Hộ nghèo**	123, ấp Xung Thum, **xã Lai Hòa**, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Miễn 100%	
3	1910040053	Lâm Hải	Nghi		21/05/2001	Kinh	CĐ Dược 9B	**Con thương binh hạng 4/4**	320, đường 3/2, ấp thị trấn A, Thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Miễn 100%	
Khóa 2020 -2023											
4	2010010039	Thạch Thị Kim	Long		15/05/2002	Khmer	CĐ Điều dưỡng 14 B	**Hộ cận nghèo**	14/4/3, Giồng Giữa, Khóm 5, **Phường 1**, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Miễn 100%	

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
				Nam	Nữ						
5	2010010086	Lâm Thị	Na		05/11/2002	Khmer	CĐ Điều dưỡng 14 C	**Hộ cận nghèo**	Ấp Biển Đông A, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu	Miễn 100%	Miễn học phí HKI
6	200070017	Phan Thúy	Phượng		06/10/2002	Kinh	Y sỹ 13	**Con thương binh 3/4**	Ấp Truyền Huấn, xã Hàm Rồng, Ngọc Hiển, Cà Mau	Miễn 100%	
B	**GIẢM HỌC PHÍ:**										
Khóa 2018 -2021											
7	1810010003	Thạch Thị Trúc	Anh		18/08/1998	Khmer	CĐ Điều dưỡng 12A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Khóm Sân Chim, **Phường 2, TX Vĩnh Châu**, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
8	1810010007	Thị	Diễm		16/06/2000	Khmer	CĐ Điều dưỡng 12A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Ninh Thạnh Đông, **xã Ninh Thạnh Lợi**, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
9	1810010015	Lý Văn	Hiếu	04/03/2000		Khmer	CĐ Điều dưỡng 12A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 900/QĐ-TTg 20/6/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020	Ấp Trà Canh B, **xã Thuận Hòa**, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
10	1810010035	Trần Thị Chành	Ni		10/03/1998	Khmer	CĐ Điều dưỡng 12A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Khóm 4, **phường Hộ Phòng** , TX Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
				Nam	Nữ						
11	1810010047	Thạch Thị	Trân		27/11/2000	Khmer	CĐ Điều dưỡng 12A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Đầu Lá, **xã Long Điền**, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
12	1810010054	Sơn Thị Ngọc	Yến		24/07/2000	Khmer	CĐ Điều dưỡng 12A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	Ấp Vĩnh Mẫu, **xã Vĩnh Hậu**, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
13	1810010090	Thạch Thị Tuyết	Nhi		09/09/1999	Khmer	CĐ Điều dưỡng 12B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Đầu Lá, **xã Long Điền**, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
14	1810040098	Thạch Nhật	Thiên	17/12/2000		Khmer	CĐ Dược 8B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020;Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	Ấp Prây chóp, **xã Lai Hòa**, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
15	1810040078	Trần Siếu	My		03/05/2000	Khmer	CĐ Dược 8B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Sóc Đồn**, xã Hưng hội**, huyện Vĩnh lợi, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
16	1810040173	Trần Thị	Phol Lil		22/09/2000	Khmer	CD Dược 8C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	ấp Xẻo Su, **xã Lai Hòa,** TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
				Nam	Nữ						
17	1810040122	Quách Mỹ	Duyên		08/09/2000	Hoa	CĐ Dược 8C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Rẫy Mới, **TT Phú Lộc**, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
18	1810040127	Lâm Trí	Hộp	14/11/2000		Khmer	CĐ Dược 8C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Trà Vôn B, **xã Vĩnh Tân**, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
Khóa 2019 -2022											
19	1910010039	Thị Ngọc	Yến		03/08/2000	Khmer	CĐ Điều dưỡng 13A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	ấp Tà Ky, xã Ninh Hòa, **huyện Hồng Dân,** tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
20	1910010054	Võ Thị Thảo	Linh		25/05/2001	Khmer	CĐ Điều dưỡng 13B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	ấp Vĩnh Mới, **xã Vĩnh Thịnh**, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
21	1910010080	Lý	Huyền		02/12/2001	Khmer	CĐ Điều dưỡng 13B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	ấp Vĩnh Mới, **xã Vĩnh Thịnh**, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
22	1910010061	Thạch Thị Bích	Nhi		31/05/2001	Khmer	CĐ Điều dưỡng 13B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	ấp Nước Mặn, **xã Hưng Hội**, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
				Nam	Nữ						
23	1910040009	Huỳnh Trung	Hậu	29/03/1999		Khmer	CĐ Dược 9A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn ctheo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	88, đường Hương lộ 6, **ấp Cù Lao, xã Hưng Hội**, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
24	1910040060	Lâm Thị The	Ra		09/05/2000	Khmer	CĐ Dược 9B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	ấp Prey Chop B, **xã Lai Hòa**, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
25	1910040050	Thạch Thị Xiếu	Mén		02/06/2001	Khmer	CĐ Dược 9B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn ctheo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	ấp Lai Hòa A, **xã Lai Hòa**, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
26	1910040049	Hồ Minh	Luân	06/02/2000		Khmer	CĐ Dược 9B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	ấp Vĩnh Mẫu, **xã Vĩnh Hậu**, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
27	190070016	Danh Thị Yến	Vi		15/10/2001	Khmer	Y sĩ 12	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	130, ấp Trung Bình, **xã Tuân Tức**, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
	Khóa 2020 -2023										
28	2010010023	Tạ Minh	Trang	13/04/2002		Hoa	CĐ Điều dưỡng 14 A	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	**ấp Cù Lao, xã Hưng Hội**, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên		Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
				Nam	Nữ						
29	2010010065	Kim Thị	Ngân		05/07/2001	Khmer	CĐ Điều dưỡng 14 C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	ấp Vĩnh Thạnh, **xã Vĩnh Hậu**, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
30	2010010064	Kim Thảo	Ngân		08/12/2002	Khmer	CĐ Điều dưỡng 14 C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn ctheo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	174, **ấp Nước Mặn, xã Hưng Hội**, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
31	2010010075	Lý Thị Như	Ý		07/07/2002	Khmer	CĐ Điều dưỡng 14 C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	Ấp Kiết Lập B, **xã Lâm Tân**, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
32	2010010052	Thạch Ngọc	Chinh		04/04/2002	Khmer	CĐ Điều dưỡng 14 C	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	ấp Vĩnh Thạnh, **xã Vĩnh Hậu**, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu	Giảm 70% học phí	
33	2010040043	Lý Dân	Nam	30/04/2000		Hoa	CĐ Dược 10 B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn ctheo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	188, Khóm Soài Côn, **Phường 2**, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
34	2010040038	Ong Tú	Hoa		24/07/2002	Khmer	CĐ Dược 10 B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	Ấp Xẻo Cóc, **xã Lai Hòa**, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
35	2010040123	Quách Tố	Phương		16/12/2002	Hoa	CĐ Dược 10 B	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	Ấp Xum Thum A, **xã Lai Hòa**, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	

TT	Mã số HSSV	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Lớp	Đối tượng	Hộ khẩu thường trú Xã, Thôn (Ấp, khóm) Đặc biệt Khó khăn	Tỷ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
36	2010040091	Thạch Thị Ái Di		21/04/2002	Khmer	CĐ Dược 10 D	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo QĐ số 582/QĐ-TTg 28/4/2017 DS xã đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, KV II, KVI thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 -2020	128, Prey Chóp, **Lai Hòa**, TX Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	
37	200070018	Liêu Thị Thảo		05/05/1989	Khmer	Y sỹ 13	Xã, Thôn (ấp) đặc biệt khó khăn theo Quyết định 131/QĐ TTg 25/01/2017 DS các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và Hải đảo giai đoạn 2016-2020	Ấp Xum Thum A, **xã Lai Hòa**, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Giảm 70% học phí	

Con TB:	3	Con mồ côi:	0
Có công CM:		HSSV khuyết tật:	0
Hộ nghèo:	1	Xã đặc biệt khó khăn:	31
Hộ cận nghèo:	2		
Tổng cộng có:	**37**	**HSSV**	